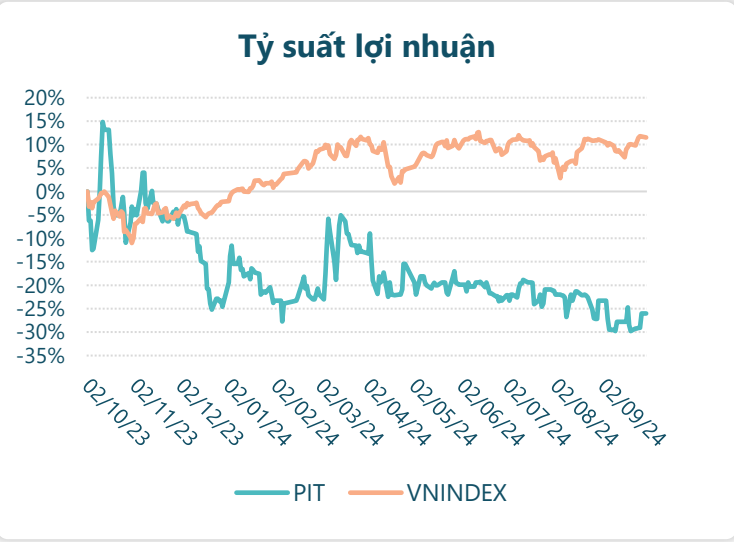


Ngày	5,690 VNĐ		
30/09/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-3.6%	-3.6%	-14.7%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	5,400 - 8,830
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	81
Số lượng CPLH (CP)	14,210,225
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,420
Sở hữu nước ngoài	0.6%
Beta	0.49
EPS	-478
P/E	-11.9



Doanh thu thuần
Q3/24

148

tỷ VNĐ

QoQ: ▼17.0 | -10.6%

YoY: ▼57.0 | -28.0%

LN gộp
Q3/24

9.80

tỷ VNĐ

QoQ: ▼11.3 | -53.6%

YoY: ▼9.60 | -49.5%

LN trước thuế
Q3/24

-0.06

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.01 | -103%

YoY: ▼0.36 | -121%

Nợ/VCSH
Q3/24

202%

YoY: +/-▲ 44.7%

ROE (TTM)
Q3/24

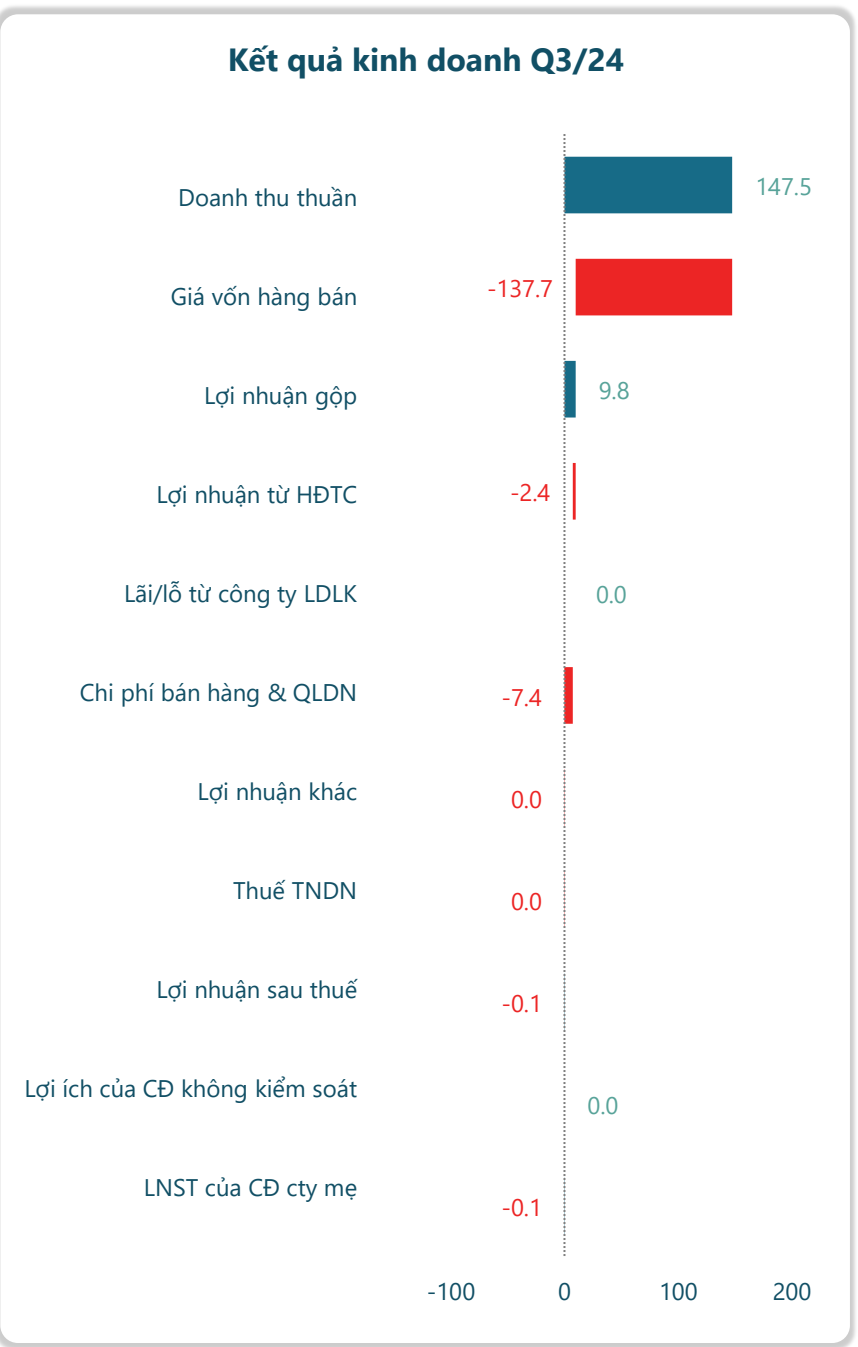
-5.9%

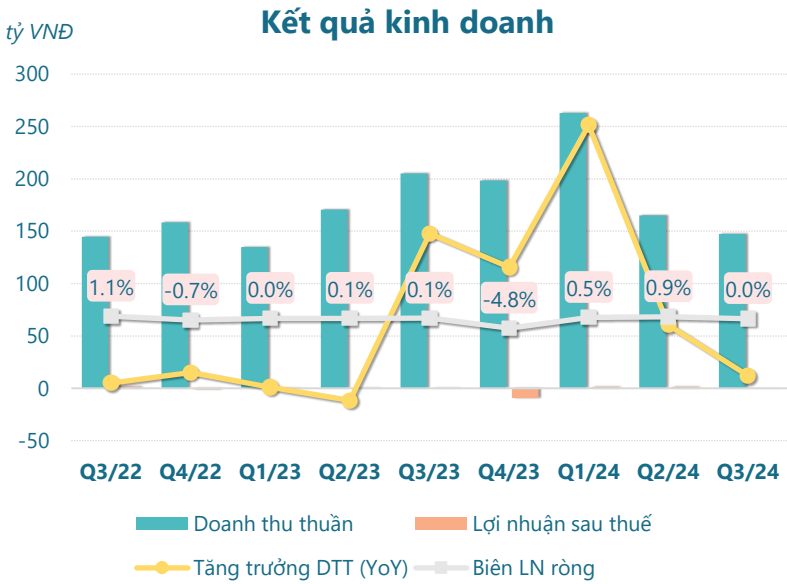
YoY: +/-▼ 0.3%

ROA (TTM)
Q3/24

-2.1%

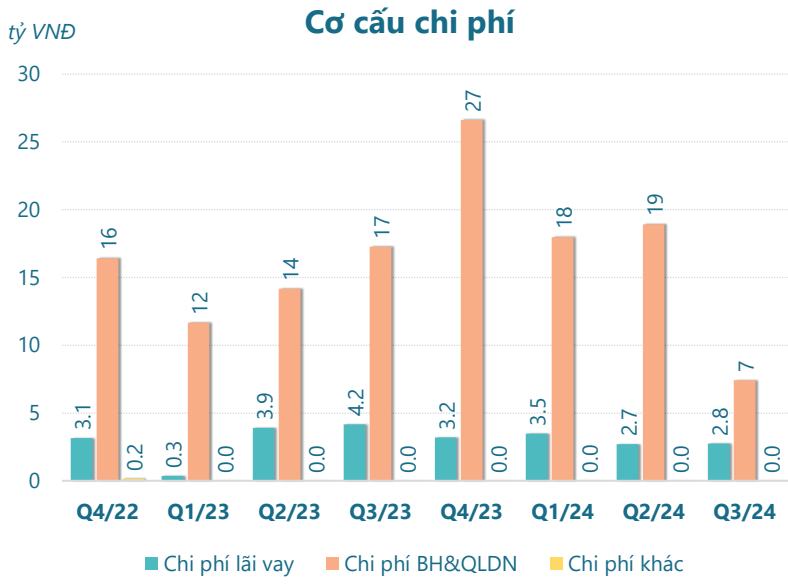
YoY: +/-▲ 0.1%





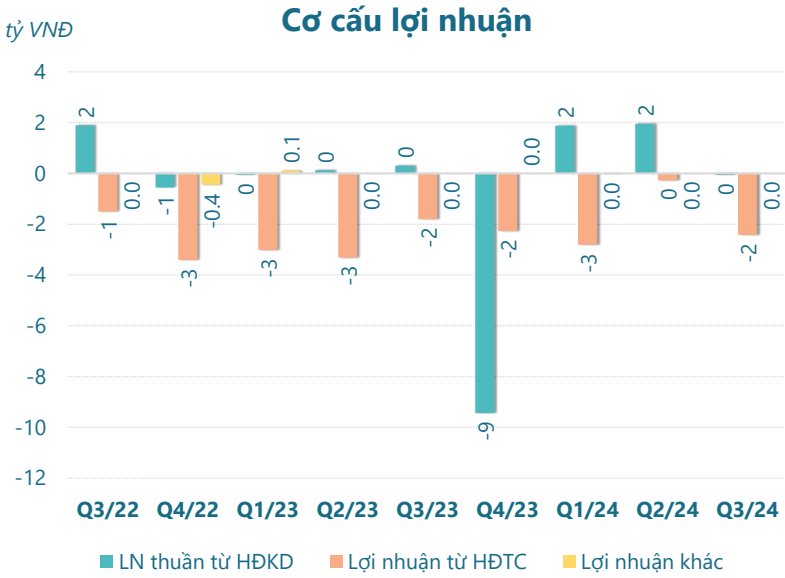
Tại quý III năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **bằng 0** giảm đi 103% so với kỳ trước và thấp hơn 120% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 2.42 tỷ đồng** giảm đi 2.15 tỷ đồng so với kỳ trước và giảm đi 0.61 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **bằng 0** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **PIT** quý III năm 2024, doanh thu thuần đạt **147.5 tỷ đồng** giảm đi **28.1%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lỗ 0.07 tỷ đồng, giảm sút 124%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **575.0 tỷ đồng** cao hơn 12.7% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 3.00 tỷ đồng** tăng thêm 3.00 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.



Tại quý III, chi phí lãi vay bằng **2.76 tỷ đồng** tăng thêm 1.85% so với kỳ trước và thấp hơn 33.8% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **7.43 tỷ đồng** giảm đi 60.7% so với kỳ trước và thấp hơn 57.0% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.00 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q2/24	Thay đổi QoQ	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	148	165	-10.6%	205	-28.0%	575	510	12.7%
Giá vốn hàng bán	138	144	-4.3%	186	-25.9%	522	459	13.7%
Lợi nhuận gộp	9.80	21.1	-53.6%	19.4	-49.5%	53.6	51.6	3.9%
Doanh thu HĐTC	1.08	2.74	-60.5%	3.05	-64.5%	6.65	5.03	32.2%
Chi phí TC	3.51	3.01	16.5%	4.85	-27.7%	12.2	13.2	-7.6%
Chi phí lãi vay	2.76	2.71	1.7%	4.17	-33.9%	8.95	8.42	6.3%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	2.08	8.19	-74.6%	8.20	-74.6%	18.2	19.4	-6.2%
Chi phí QLDN	5.35	10.7	-50.0%	9.06	-41.0%	26.1	23.7	10.2%
LN thuần từ HĐKD	-0.06	1.95	-103%	0.30	-120%	3.76	0.36	950%
Lợi nhuận khác	0.00	0.00		0.00		-0.03	0.11	-123%
LN trước thuế	-0.06	1.95	-103%	0.30	-121%	3.74	0.47	697%
Lợi nhuận sau thuế	-0.07	1.42	-105%	0.29	-124%	2.65	0.45	485%
LNST của CĐ cty mẹ	-0.07	1.42	-105%	0.29	-124%	2.65	0.45	485%

